

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2022/HS-ST

Ngày 30 - 8 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Võ Luyện
Bà Nguyễn Thị Thêu

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:
Ông Vũ Thuần Long - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 53/2022/TLST-HS ngày 15 tháng 7 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2022/QĐXXST-HS ngày 17/8/2022 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Đức T - sinh ngày 27/7/1978 tại tỉnh Nam Định; Nơi cư trú: Số nhà Z, đường V, tổ Z1, phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn X, sinh năm 1945 và bà: Phùng Thị T2, sinh năm 1950; Vợ thứ nhất đã ly hôn: Đinh Thị L1, sinh năm 1975; Vợ thứ hai đã ly hôn: Trần Thị Kim T3, sinh năm 1993; có 02 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2015.

Tiền án: Bị cáo có 02 tiền án:

+ Bản án hình sự sơ thẩm số 244/2017/HSST ngày 26/7/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xử phạt Nguyễn Đức T 15 (mười lăm) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đã chấp hành xong.

+ Bản án hình sự sơ thẩm số 190/2020/HSST ngày 18/6/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xử phạt Nguyễn Đức T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đã chấp hành xong.

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Bị cáo có 01 lần bị kết án đã được xóa án tích: Bản án hình sự sơ thẩm số 88/2012/HSST ngày 29/3/2012 của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xử phạt Nguyễn Đức T 24 (hai mươi bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 44 (bốn mươi bốn) tháng 14 (mười bốn) ngày về tội “Cố ý gây thương tích”, đã chấp hành xong.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/02/2022, đến ngày 01/3/2022 chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

2. Trần Thanh T1 - sinh ngày 11/8/1974 tại tỉnh Nam Định; Nơi cư trú: Số nhà Z2, đường T4, tổ Z3, phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Xuân C (đã chết) và bà: Trần Thị B, sinh năm 1941; Vợ là Lê Thị Thanh H, sinh năm 1974, có 02 con, con lớn sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm 2010.

Tiền án: Bị cáo có 01 tiền án: Bản án hình sự sơ thẩm số 177/2019/HSST ngày 18/6/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xử phạt Nguyễn Thanh T1 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, đã chấp hành xong.

Tiền sự: Bị cáo có 01 tiền sự: Ngày 07/9/2021, bị Công an phường Trần Đăng Ninh, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xử phạt Trần Thanh T1 hành chính bằng hình thức phạt tiền với số tiền 350.000 đồng về hành vi đánh bạc trái phép dưới hình thức mua số đề, đã chấp hành xong.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/02/2022, đến ngày 01/3/2022 chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

*** Người bào chữa:**

- *Người bào chữa cho bị cáo T:* Ông **Nguyễn Văn H1** – Luật sư Văn phòng Luật sư T5, Đoàn Luật sư tỉnh Thái Bình. Địa chỉ: Số Z4, đường T6, thành phố T5, tỉnh Thái Bình.

- *Người bào chữa cho bị cáo T1:* Ông **Phạm Văn H2** – Luật sư Văn phòng Luật sư T5, Đoàn Luật sư tỉnh Thái Bình. Địa chỉ: Số Z4, đường T6, thành phố T5, tỉnh Thái Bình.

(Những người bào chữa có mặt tại phiên tòa)

*** Người chứng kiến:**

- Ông **Lại Đăng H3**, sinh năm 1964.

- Ông **Đinh Văn Y**, sinh năm 1974.

Đều trú tại: thôn P, xã V1, huyện V2, tỉnh Thái Bình.

- Ông **Nguyễn Văn X**, sinh năm 1945.

- Bà **Trần Thị H4**, sinh năm 1959.

Đều trú tại: Số nhà Z, đường V, tổ Z1, phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định.

(Những người chứng kiến vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 22/02/2022, bị cáo Nguyễn Đức T nhận được tin nhắn của một người bạn tên là B1 (số điện thoại là 0358.213.ZZZ) nhờ mua hộ 100 viên ma túy dạng kẹo, T đồng ý. Khoảng 16 giờ ngày 23/02/2022, Nguyễn Đức T sử dụng xe mô tô nhãn hiệu Wave α , biển kiểm soát 18B2-ZZZ.ZZ chở bị cáo Trần Thanh T1 đi sang huyện V2, tỉnh Thái Bình để bán ma túy cho B. Khi T và T1 đến đê sông Hồng thuộc địa phận thôn P, xã V1, huyện V2, tỉnh Thái Bình thì dừng xe, T sử dụng điện thoại di động liên lạc với B để bán ma túy thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình nghi vấn cất giấu ma túy, yêu cầu làm việc. Trần Thanh T1 đã tự nguyện lấy từ túi quần bên phải phía trước đang mặc 01 túi nilon trong suốt có mép cài viền màu đỏ bên trong có 01 gói được gói bằng giấy trắng, mở ra có các viên nén hình trụ màu xanh. Kiểm tra người T1, thu giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng và 01 ví màu đen bên trong có 1.000.000 đồng. Kiểm tra người T, thu giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu bạc. Kiểm tra xe mô tô nhãn hiệu Wave α , biển kiểm soát 18B2-ZZZ.ZZ không phát hiện thu giữ gì.

Tiến hành khám xét chỗ ở của Trần Thanh T1 tại số nhà Z2, đường T4, tổ Z3, phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định không phát hiện đồ vật, tài liệu gì liên quan đến ma túy.

Tiến hành khám xét chỗ ở của Nguyễn Đức T tại số nhà Z, đường V, tổ Z1, phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định thu giữ trong ngăn kéo kệ gỗ ở đầu giường ngủ tầng hai 01 túi nilon trong suốt bên trong chứa chất dạng tinh thể trong suốt. T khai đây là ma túy của T cất giấu, mục đích để bán.

Cơ quan điều tra đã tiến hành niêm phong vật chứng quản lý của các bị cáo và tiến hành trưng cầu giám định.

- Kết luận giám định số 58/KLGD-PC09 ngày 24/02/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình, kết luận: “Mẫu vật thu giữ của Trần Thanh T1 gửi giám định là ma túy loại Heroine, có khối lượng 33,4470 gam”.

- Kết luận giám định số 59/KLGD-PC09 ngày 25/02/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình, kết luận: “Mẫu vật thu giữ khi khám xét nơi ở của Nguyễn Đức T gửi giám định là ma túy loại Methamphetamine và Ketamine, có khối lượng là 0,2192 gam”.

Cáo trạng số 53/CT-VKSTB ngày 14/7/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình đã truy tố bị cáo Nguyễn Đức T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm h khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự, truy tố bị cáo Trần Thanh T1 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Các bị cáo khai nhận hành vi mang ma túy sang địa bàn xã V1, huyện V2, tỉnh Thái Bình, mục đích để bán cho người đàn ông tên B1 trước đó đã liên lạc qua điện thoại với T. Tuy nhiên cả hai bị cáo đều khai nguồn gốc số ma túy đã bị quản lý không phải của mình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình giữ nguyên truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Đức T, Trần Thanh T1 phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Đề nghị áp dụng điểm h khoản 3, khoản 5 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 50, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T từ 16 năm tù đến 17 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ 23/02/2022, phạt bổ sung bị cáo T từ 05 triệu đồng đến 10 triệu đồng để sung quỹ Nhà nước; Áp dụng điểm b khoản 3, khoản 5 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 50, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Thanh T1 từ 15 năm tù đến 16 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ 23/02/2022, phạt bổ sung bị cáo T1 từ 05 triệu đồng đến 10 triệu đồng để sung quỹ Nhà nước.

Về vật chứng vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy số ma túy quản lý của các bị cáo còn lại sau giám định và 01 ví màu đen của bị cáo T1; đề nghị tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu bạc quản lý của bị cáo T; trả lại bị cáo T1 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng và 1.000.000 đồng. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định pháp luật.

- Người bào chữa cho bị cáo T, T1: Nhát trí với hành vi và tội danh mà Viện kiểm sát truy tố đối với các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tình

tiết bố mẹ các bị cáo là người có công với Cách mạng, để áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

Luật sư bào chữa cho bị cáo T1 còn trình bày: Lời khai của bị cáo T1 tại phiên tòa phù hợp với các tình tiết khách quan của vụ án, chứng tỏ bị cáo đã thành khẩn nhận tội. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, giảm nhẹ hình phạt đến mức thấp nhất cho bị cáo T1.

- Tại phần tranh luận, bị cáo T cho rằng số ma túy quản lý tại nơi ở của bị cáo, tuy mục đích bị cáo để bán nhưng thực tế chưa bán cho ai vì vậy bị cáo không phải chịu trách nhiệm hình sự về số ma túy đó. Bị cáo T1 đề nghị giám định lại đối với gói ma túy quản lý của bị cáo vì bị cáo nghe T nói đã pha trộn Heroin và thuốc tây để nén thành các viên nén ma túy đó.

Đại diện Viện kiểm sát đối đáp, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của bị cáo T1 vì không có căn cứ giám định lại. Đối với việc cất dấu ma túy của bị cáo T, pháp luật quy định chỉ cần mục đích để bán đã cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, vì vậy T phải chịu trách nhiệm hình sự đối với cả số ma túy cất dấu tại nơi ở của bị cáo.

Các bị cáo không tranh luận gì khác và nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quyết định tố tụng, hành vi tố tụng: Quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về các chứng cứ kết tội đối với các bị cáo:

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi mang ma túy sang địa bàn xã V1, huyện V2, tỉnh Thái Bình, mục đích để bán cho một người đàn ông tên là B. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố và các tài liệu, chứng cứ cơ quan điều tra đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án, gồm:

- Biên bản bắt người phạm tội quả tang lập hồi 18 giờ 40 phút ngày

23/02/2022 do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh lập tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Việt Hùng, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình (Bút lục từ số 10 đến số 13);

- Biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú lập hồi 22 giờ ngày 23/02/2022 tại Trụ sở Cơ quan Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Thái Bình (Bút lục số 114, 115);

- Biên bản khám xét nơi ở của Nguyễn Đức T do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình lập hồi 11 giờ ngày 24/02/2022 tại số nhà Z đường V, tổ Z1, phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định (Bút lục số 21, 22);

- Các biên bản tạm giữ, niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình (Bút lục từ số 14 đến số 16);

- Biên bản kiểm tra điện thoại di động nhãn hiệu OPPO của Nguyễn Đức T do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình lập hồi 18 giờ 10 phút ngày 23/02/2022 (Bút lục số 18);

- Kết luận giám định số 58/KLGD-PC09 ngày 24/02/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình (Bút lục số 32);

- Kết luận giám định số 59/KLGD-PC09 ngày 25/02/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình (Bút lục số 36);

- Lời khai của người chứng kiến: ông Lại Đăng H3, sinh năm 1964 và ông Đinh Văn Y, sinh năm 1974, đều trú tại thôn P, xã V1, huyện V2, tỉnh Thái Bình (chứng kiến quá trình bắt quả tang, quản lý ma túy trên người bị cáo T1 ngày 22/02/2022); ông Nguyễn Văn X, sinh năm 1945 và bà Trần Thị H4, sinh năm 1959 đều trú tại tổ Z3, phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định (chứng kiến quá trình khám xét và quản lý ma túy tại nơi ở của bị cáo T) (Bút lục từ số 213 đến số 228);

Từ những chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận:

Khoảng 16 giờ 00 phút ngày 23/02/2022, tại đê sông Hồng thuộc địa phận thôn P, xã V1, huyện V2, tỉnh Thái Bình, Nguyễn Đức T và Trần Thanh T1 đi xe mô tô nhãn hiệu Wave α , biển kiểm soát 18B2-ZZZ.ZZ, mang theo 33,4470 gam ma túy loại Heroine, mục đích để bán cho một người đàn ông tên B1 đã giao dịch mua ma túy với T qua điện thoại từ trước. Khám xét khẩn cấp chỗ ở của các bị cáo, Cơ quan Điều tra còn phát hiện tại số nhà Z đường V, tổ Z1, phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định (chỗ ở của Nguyễn Đức T), phát hiện và quản lý của T 0,2192 gam ma túy loại Methamphetamine và Ketamine, T khai cất dấu mục đích để bán.

Tại phiên tòa, bị cáo T trình bày số ma túy bị cáo cất dấu tại chỗ ở, bị cáo

chưa bán cho ai nên không phải chịu trách nhiệm hình sự, tuy nhiên pháp luật quy định nếu cất dấu ma túy nhằm mục đích để bán cho người khác thì người cất dấu ma túy phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Vì vậy Viện kiểm sát truy tố bị cáo T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” đối với cả số ma túy quản lý tại chỗ ở của bị cáo là đúng pháp luật. Đối với việc bị cáo T1 đề nghị trưng cầu giám định lại đối với số ma túy Cơ quan Công an quản lý của T1, xét thấy: Kết luận giám định số 58/KLGD-PC09 ngày 24/02/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình là hoàn toàn khách quan, đúng quy định pháp luật, vì vậy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu giám định lại của bị cáo T1.

Như vậy, hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Đức T đã phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm h khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự, hành vi của bị cáo Trần Thanh T1 đã phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy” được quy định tại điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Điều 251. Tội mua bán trái phép chất ma túy

1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

[...]

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 15 năm đến 20 năm:

a) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng từ 01 kilôgam đến dưới 05 kilôgam;

b) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 30 gam đến dưới 100 gam;

c) Lá cây côca; lá khát (lá cây Catha edulis); lá, rễ, thân, cành, hoa, quả của cây cần sa hoặc bộ phận của cây khác có chứa chất ma túy do Chính phủ quy định có khối lượng từ 25 kilôgam đến dưới 75 kilôgam;

d) Quả thuốc phiện khô có khối lượng từ 200 kilôgam đến dưới 600 kilôgam;

đ) Quả thuốc phiện tươi có khối lượng từ 50 kilôgam đến dưới 150 kilôgam;

e) Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 100 gam đến dưới 300 gam;

g) Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích từ 250 mililit đến dưới 750 mililit;

h) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm g khoản này.

[...]

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

[3] Về tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng; gây nguy hại rất lớn cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy; gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội; gây dư luận bất bình trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo biết rõ tác hại của ma túy, biết rõ việc pháp luật nghiêm cấm hành vi mua bán trái phép chất ma túy nhưng vẫn cố ý thực hiện tội phạm. Vì vậy cần phải xử phạt nghiêm khắc các bị cáo để cải tạo, giáo dục các bị cáo và góp phần đấu tranh phòng ngừa tội phạm nói chung trong xã hội, nhất là tội phạm về ma túy.

Vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo T là người trực tiếp giao dịch mua bán ma túy với người mua, dùng xe mô tô chở T1 sang địa bàn tỉnh Thái Bình để bán ma túy, vì vậy đánh giá T có vai trò thứ nhất. T1 tiếp nhận ý chí của T, trực tiếp cất giấu ma túy trên người để mang đi giao cho người mua, vì vậy T1 có vai trò thứ 2 trong vụ án.

[4] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

- Bị cáo Nguyễn Đức T bị áp dụng 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Tái phạm nguy hiểm”, bị cáo Trần Thanh T1 bị áp dụng 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Tái phạm” - quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo hành vi mang ma túy sang địa bàn tỉnh Thái Bình mục đích để bán, vì vậy các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo T có bố đẻ là ông Nguyễn Văn X được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng Nhì; bị cáo T1 có bố đẻ là ông Trần Xuân C được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng Nhất, mẹ đẻ là bà Trần Thị B được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng Nhì nên các bị cáo T, T1 được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về mức hình phạt và biện pháp chấp hành hình phạt:

- Về hình phạt chính: Căn cứ vào tính chất mức độ phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần xử phạt các bị cáo mức án như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp pháp luật.

- Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo bán ma túy mục đích vụ lợi, phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự, vì vậy cần áp dụng khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự, phạt tiền từ 20 triệu đồng đến 30 triệu đồng để nộp Ngân sách Nhà nước.

[6] Về xử lý vật chứng: Cần áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Ma túy là vật Nhà nước cấm lưu hành, vì vậy cần tịch thu tiêu hủy số ma túy quản lý của các bị cáo được hoàn lại sau giám định, niêm phong trong các phong bì hoàn trả mẫu vật giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình;

- Tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo bị rạn nứt màn hình quản lý của Nguyễn Đức T;

- Trả lại bị cáo T1 tài sản đã quản lý không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6; 01 ví màu đen và số tiền 1.000.000 đồng.

[7] Các vấn đề khác:

- Theo lời khai của các bị cáo Nguyễn Đức T và Nguyễn Thanh T1, T và T1 mang ma túy sang bán cho người tên B1 khoảng 30 tuổi, nhà ở xã V1, huyện V2, tỉnh Thái Bình. Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra nhưng trên địa bàn xã V1 không có ai tên là B1 trong độ tuổi nêu trên. Thông tin chủ thuê bao số điện thoại 0358.213.ZZZ liên lạc với B1 là anh Lê Duy T7, sinh năm 1996, địa chỉ tại thôn Đ, xã Đ1, huyện H5, tỉnh Thái Bình, anh T7 trình bày không đăng ký thuê bao số điện thoại đó, không sử dụng để liên lạc với T, không quen biết T và B1, vì vậy Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý.

- Về nguồn gốc ma túy: Đối với 33,4470 gam ma túy loại Heroine mang đi bán, T và T1 đều khai nhận không phải ma túy của mình mà của đồng phạm, không có chứng cứ nào khác chứng minh. Tuy không xác định được cụ thể nguồn gốc số ma túy đó để mở rộng điều tra, nhưng không ảnh hưởng đến xác việc định tội danh và xử lý trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Đối với 0,2192 gam ma túy loại Methamphetamine và Ketamine T cất giấu tại nơi ở của mình, T khai mua của người không quen

biết, Cơ quan điều tra không có căn cứ để xác định người cung cấp ma túy cho T, vì vậy không xử lý.

- Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave α , biển kiểm soát 18B2-ZZZ.ZZ thu giữ của Nguyễn Đức T: Qua giám định số khung và số máy của chiếc xe này không bị tẩy xóa, sửa chữa, đục lại; không có trong cơ sở dữ liệu vật chứng. Đăng ký xe mang tên là Phạm Ngọc L2, sinh năm 1996, địa chỉ tầng số Z5 P1, thành phố N, tỉnh Nam Định. Bị cáo Nguyễn Đức T khai chiếc xe mô tô trên là của T do bạn tên là Hoàng Anh D, sinh năm 1987, đăng ký hộ khẩu thường trú tại số nhà số Z6, đường Đ2, phường C1, thành phố N, tỉnh Nam Định cho mượn. Cơ quan Điều tra đã tiến hành điều tra, xác định: Phạm Ngọc L2, sinh năm 1996, địa chỉ tầng số Z5 P1, thành phố N, tỉnh Nam Định hiện đang thi hành án phạt tù tại Trại giam Thanh Cẩm huyện C2, tỉnh Thanh Hóa. Lấy lời khai của L2, L2 khai L2 đã bán chiếc xe mô tô đó cho một người không quen biết, không viết giấy bán xe, không biết thông tin của người mua xe để cung cấp cho Cơ quan Điều tra. Đối với anh Hoàng Anh D do vắng mặt tại địa phương, không rõ địa chỉ. Hết thời hạn điều tra, Cơ quan điều tra do không xác định được chủ sở hữu của chiếc xe mô tô trên nên quản lý để tiếp tục xác minh, xử lý sau.

[8] Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Đức T, Trần Thanh T1 phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

[2] Về hình phạt:

2.1 Áp dụng điểm h khoản 3, khoản 5 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 50, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T 17 (mười bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ 23/02/2022.

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Đức T 30 (ba mươi) triệu đồng để nộp ngân sách Nhà nước.

2.2 Áp dụng điểm b khoản 3, khoản 5 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 50, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Thanh T1 16 (mười sáu) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ 23/02/2022.

Phạt bổ sung bị cáo Trần Thanh T1 20 (hai mươi) triệu đồng để nộp ngân sách Nhà nước.

[3] Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy số ma túy quản lý của các bị cáo được hoàn lại sau giám định trong 02 phong bì niêm phong các chất ma túy còn lại theo Kết luận giám định số 58/KLGD-PC09(MT) ngày 24/02/2022 và Kết luận giám định số 59/KLGD-PC09(MT) ngày 25/5/2022 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Thái Bình.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo bị rạn nứt màn hình quản lý của Nguyễn Đức T.

- Trả lại Trần Thanh T1 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6; 01 ví màu đen và số tiền 1.000.000 đồng. (*một triệu đồng*)

(Các vật chứng có đặc điểm thể hiện tại Biên bản giao nhận ngày 12/7/2022 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Thái Bình và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình)

[4] Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Các bị cáo Nguyễn Đức T và Trần Thanh T1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo Nguyễn Đức T, Trần Thanh T1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 30/8/2022./.

Nơi nhận:

- Cơ quan Cảnh sát Điều tra, Cơ quan Thi hành án hình sự, Phòng hồ sơ Công an tỉnh Thái Bình.
- Viện Kiểm sát nhân dân Cấp cao; Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Thái Bình;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ; lưu hành chính tư pháp.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Bình